

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/3/2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đáng

Ông Trương Văn Mên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:
Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2019/ TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 17/02/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1982. Có mặt

Địa chỉ: Khóm II, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- Bị đơn: Anh Trịnh Nhất Đ, sinh năm 1971. Có mặt

Địa chỉ: Khóm III, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trịnh Nhất Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 không có đăng ký kết. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, về kinh tế gia đình nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Nhất Đ.

Về con chung: Có một con tên Nguyễn Đình H, sinh ngày 12/3/2016 hiện anh Đ đang nuôi dưỡng, chị đồng ý để anh Trịnh Nhất Đ tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trịnh Nhất Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh hai người sống chung với nhau như chị Mai trình bày. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là trong vấn đề tiền bạc vợ chồng nhiều lần cự cãi với nhau, chị M bỏ đi từ tháng 12/2018 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Nguyễn Thị M.

Về con chung: Thống nhất theo lời trình bày của chị M. Anh yêu cầu được nuôi Nguyễn Đình H, sinh ngày 12/3/2016 và không yêu cầu Nguyễn Thị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị M và anh Trịnh Nhất Đ là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao Nguyễn Đình H cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phản kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trịnh Nhất Đ địa chỉ: Khóm III, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên Tòa án thụ lý theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Chị M và anh Đ sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2015 có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo Điều 8 Luật hôn nhân gia đình, nhưng chị M và anh Đ không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ vào Điều 9 khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị M và anh Đ là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Chị M và anh Đ có 01 con chung tên Nguyễn Đình H, sinh ngày 12/3/2016. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh Đ là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đảm bảo phát triển về mọi mặt của con, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị M và anh Đ thỏa thuận giao Nguyễn Đình H cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

[5] *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả:* Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 235, 273 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận chị Nguyễn Thị M và anh Trịnh Nhất Đ là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Anh Trịnh Nhất Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Đình H, sinh ngày 12/3/2016.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

4. *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

5. *Về án phí*: Buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp theo biên lai số 0005617, ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Mai